

Nội dung bài viết

1. [Trả lời câu hỏi SGK Địa Lý 12 Bài 24 trang 103, 104](#)
2. [Giải bài tập SGK Bài 24 Địa 12 trang 105](#)
3. [Lý thuyết Địa Lí 12 Bài 24](#)

Với bộ tài liệu giải **Địa lớp 12 Bài 24: Vấn đề phát triển ngành thủy sản và lâm nghiệp** được biên soạn bởi ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm chia sẻ. Hướng dẫn học sinh giải các dạng bài tập trong sách giáo khoa và tổng hợp lý thuyết bài học. Nội dung chi tiết các em tham khảo tại đây.

Trả lời câu hỏi SGK Địa Lý 12 Bài 24 trang 103, 104

Trả lời câu hỏi Bài 24 trang 103 sgk Địa Lí 12

Do có các điều kiện thuận lợi nào mà Đồng bằng sông Cửu Long trở thành vùng nuôi cá và nuôi tôm lớn nhất nước ta?

Trả lời:

- Có nhiều cửa sông, bãi triều rộng có khả năng nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ.
- Có hệ thống sông ngòi và kênh rạch chằng chịt nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

Trả lời câu hỏi Bài 24 trang 104 sgk Địa Lí 12

Hãy tìm các ví dụ để làm sáng tỏ ý nghĩa kinh tế và sinh thái to lớn của rừng và vai trò của ngành lâm nghiệp.

Trả lời:

- Ý nghĩa kinh tế và sinh thái của rừng
 - + Rừng cung cấp nhiều lâm sản (gỗ, củi,...) và các dược liệu.
 - + Rừng có tác dụng điều hoà lượng nước trên mặt đất, lớp lá cây rơi xuống tạo thành một lớp xốp cách nhiệt che phủ đất rừng từ đó làm giảm lượng nước bốc hơi và làm tăng độ ẩm cho đất.
 - + Rừng ảnh hưởng đến sự bốc hơi nước của môi trường xung quanh, do đó khí hậu được điều hoà. Ngoài ra, rừng là màng lọc không khí trong lành; cản khói, bụi.

+ Rừng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và bảo vệ đất. Rừng ngăn cản quá trình xói mòn đất, nhất là ở các sườn đất dốc.

+ Rừng là nguồn gen quý giá.

- Vai trò của ngành lâm nghiệp

+ Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản mang lại giá trị kinh tế.

+ Trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng.

Trả lời câu hỏi Bài 24 trang 104 sgk Địa Lí 12

Hãy nêu những nguyên nhân dẫn đến sự suy thoái tài nguyên rừng của nước ta.

Trả lời:

- Do mở rộng diện tích đất nông nghiệp.
- Tập quán du canh, du cư.
- Khai thác gỗ, củi và các sản phẩm ngoài gỗ bừa bãi.
- Cháy rừng, đốt rừng làm rẫy.
- Xây dựng cơ bản.
- Buôn bán các loài quý hiếm.
- Do tăng dân số nhanh, di dân và đói nghèo.
- Hoạt động khai khoáng.
- Chính sách kinh tế vĩ mô; đội ngũ cán bộ quản lí, bảo vệ rừng còn thiếu về số lượng và cơ sở vật chất; hình thức xử phạt đối với các vi phạm về tài nguyên rừng còn chưa nghiêm khắc.
- Người dân chưa nhận thức được giá trị của rừng, do đó chưa có ý thức về trồng rừng và bảo vệ rừng một cách hợp lí.
- Chiến tranh: Trong cuộc chiến tranh hoá học (1961 - 1971), Mỹ đã rải chất độc hoá học xuống 3.104.000ha rừng và làm mất mát sản lượng gỗ ước tính 82.830.000m³.

Giải bài tập SGK Bài 24 Địa 12 trang 105

Bài 1 trang 105 sgk Địa Lí 12

Hãy lập bảng tóm tắt những điều kiện thuận lợi và khó khăn đối với sự phát triển của hoạt động khai thác thủy sản nước ta.

Điều kiện	Thuận lợi	Khó khăn
Nguồn lợi và điều kiện đánh bắt		
Dân cư và nguồn lao động		
Cơ sở vật chất kĩ thuật		
Đường lối chính sách		
Thị trường		

Tương tự như trên, tóm tắt cho hoạt động nuôi trồng thủy sản

Lời giải:

a, Hoạt động khai thác thủy sản

Điều kiện	Thuận lợi	Khó khăn
Nguồn lợi và điều kiện đánh bắt	<ul style="list-style-type: none"> + Bờ biển dài 3260km và vùng đặc quyền kinh tế trên biển rộng khoảng 1 triệu km². + Nguồn lợi hải sản khá phong phú: tổng trữ lượng khoảng 3,9- 4,0 triệu tấn, có hơn 2000 loài cá, 1647 loài giáp xác, 70 loài tôm, nhuyễn thể có hơn 2500 loài, rong biển hơn 600 loài... Ngoài ra còn có nhiều loại đặc sản 	<ul style="list-style-type: none"> + Hằng năm có tới 9-10 cơn bão xuất hiện ở Biển Đông và Đông Bắc, gây thiệt hại về người và tài sản, hạn chế số ngày ra khơi. + Ở một số vùng ven biển, môi trường bị suy thoái và nguồn lợi thủy sản cũng bị đe dọa suy giảm.
Dân cư và nguồn lao động	<ul style="list-style-type: none"> + Có 4 ngư trường trọng điểm: ngư trường Cà Mau - Kiên Giang (ngư trường vịnh Thái Lan), ngư trường Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu, ngư trường Hải Phòng - Quảng Ninh (ngư trường vịnh Bắc Bộ) và ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa. + Ở một số hải đảo có các rạn đá, là nơi tập trung nhiều thủy sản có giá trị kinh tế... + Ven bờ có nhiều đảo và vụng, vịnh tạo điều kiện cho các bãi cá đẻ. 	
Cơ sở vật chất kĩ thuật	<ul style="list-style-type: none"> + Nhân dân có kinh nghiệm và truyền thống đánh bắt và nuôi trồng thủy sản + Các dịch vụ thủy sản và chế biến thủy sản được mở rộng. 	<ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống các cảng cá còn chưa đáp ứng yêu cầu.

+ Các phương tiện tàu thuyền, ngư cụ được trang bị ngày càng tốt hơn.

+ Việc chế biến thủy sản, nâng cao chất lượng thương phẩm cũng còn nhiều hạn chế.

+ Tàu thuyền, các phương tiện đánh bắt nói chung còn chậm được đổi mới.

Đường lối + Sự đổi mới chính sách của Nhà nước về phát triển ngành thủy sản.

Thị trường + Nhu cầu về các mặt hàng thủy sản ở trong nước và thế giới tăng nhiều trong những năm gần đây.

+ Áp lực của một số hình thức cạnh tranh không lành mạnh ở một số thị trường nước ngoài.

b, Nuôi trồng thủy sản

Điều kiện thuận lợi	Khó khăn
+ Dọc bờ biển có bãi triều, đầm phá, cánh rừng ngập mặn thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ.	- Việc mở rộng diện tích nuôi trồng ở vùng đồng bằng còn hạn chế do cần nhắc đến việc bảo vệ môi trường.
Điều kiện nuôi trồng	
+ Có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ ở vùng đồng bằng có các ô trũng có thể nuôi thả cá, tôm nước ngọt.	- Dịch bệnh tôm. - Một số vùng nuôi bị nhiễm bẩn.
Dân cư và nguồn lao động	
+ Nhân dân có kinh nghiệm và truyền thống nuôi trồng thủy sản	
Cơ sở vật chất	
+ Các dịch vụ thủy sản và chế biến thủy sản được mở rộng.	+ Việc chế biến thủy sản, nâng cao chất lượng thương phẩm cũng còn nhiều hạn chế.
Đường lối chính sách	
+ Sự đổi mới chính sách của Nhà nước về phát triển ngành thủy sản.	
Thị trường	
+ Nhu cầu về các mặt hàng thủy sản ở trong nước và thế giới tăng nhiều trong những năm gần đây.	+ Áp lực của một số hình thức cạnh tranh không lành mạnh ở một số thị trường nước ngoài.

Bài 2 trang 105 sgk Địa Lí 12

Dựa vào bảng số liệu 24.2 (SGK) và các tài liệu tham khảo, hãy so sánh nghề nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng.

Lời giải:

- Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích mặt nước nuôi tôm rộng hơn Đồng bằng sông Hồng với bãi triều, cánh rừng ngập mặn dọc bờ biển; sông suối, kênh rạch, ao hồ, ô trũng ở vùng đồng bằng.
- Dân cư ở Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều kinh nghiệm và truyền thống trong nuôi tôm hàng hoá.
- Các dịch vụ cho nuôi tôm ở Đồng bằng sông Cửu Long phát triển rộng rãi.
- Sản lượng tôm nuôi của Đồng bằng sông Cửu Long năm 2005 là 265761 tấn (chiếm 81,2% sản lượng của cả nước), của Đồng bằng sông Hồng là 8283 tấn, khoảng hơn 1/3 sản lượng tôm của Đồng bằng sông Cửu Long).

Bài 3 trang 105 sgk Địa Lí 12

Hãy nêu hiện trạng phát triển trồng rừng và các vấn đề để phát triển vốn rừng ở nước ta hiện nay.

Lời giải:

- Hiện trạng trồng:

+ Cả nước có khoảng 2 triệu ha rừng trồng tập trung, trong đó chủ yếu là rừng làm nguyên liệu giấy, rừng gỗ trụ mỏ, thông nhựa..., rừng phòng hộ.

+ Hàng năm, cả nước trồng trên dưới 200 nghìn ha rừng tập trung.

+ Diện tích rừng trồng có tăng, nhưng không cao. Phần lớn rừng trồng nhằm mục đích kinh tế, sản xuất cây lấy gỗ ngắn ngày, chưa ưu tiên trồng rừng phòng hộ. Từ năm 1983 đến 2006, tỉ lệ diện tích rừng trồng đã tăng được 2,1 triệu ha. Tuy nhiên, diện tích rừng bị phá không phải là nhỏ.

- Các vấn đề để phát triển vốn rừng ở nước ta hiện nay:

+ Quản lý khai thác, bảo vệ rừng, đầu tư cho trồng rừng.

+ Đầu tư phát triển kinh tế rừng ở miền núi (giúp đồng bào các dân tộc ít người kỹ thuật và phương thức làm kinh tế, mô hình kinh tế rừng, kinh tế trang trại).

+ Thực hiện các biện pháp về kinh tế - xã hội (xây dựng vùng đệm và vùng trồng rừng kinh tế; trồng rừng hỗn tạp, ưu tiên, cho các loài cây bản địa; giao đất, giao rừng cho hộ gia đình quản lý; trang bị các phương tiện dự báo cháy rừng, các phương tiện phục vụ cho kiểm tra, ngăn chặn các hoạt động phá rừng...)

+ Giáo dục về bảo vệ rừng, nâng cao ý thức về bảo vệ rừng cho toàn dân.

Lý thuyết Địa Lí 12 Bài 24

1. Ngành thủy sản.

a) Những điều kiện thuận lợi và khó khăn để phát triển ngành thủy sản.

* Thuận lợi:

- Bờ biển dài 3.260 km và vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn.
- Nguồn lợi hải sản khá phong phú: tổng trữ lượng khoảng 3,9-4,0 triệu tấn, có hơn 2000 loài cá, 1647 loài giáp xác, hơn 100 loài tôm, nhuyễn thể có hơn 2500 loài, rong biển hơn 600 loài ... Ngoài ra còn có nhiều loại đặc sản (hải sâm, bào ngư ...)
- Có 4 ngư trường trọng điểm.
- Dọc bờ biển có bãi triều, đầm phá, cánh rừng ngập mặn thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ.
- Ở một số hải đảo có các rạn đá, là nơi tập trung nhiều thủy sản có giá trị kinh tế ...
- Ven bờ có nhiều đảo và vụng, vịnh tạo điều kiện cho các bãi cá đẻ.
- Có nhiều sông suối, kênh rạch, ao hồ, ở vùng đồng bằng có các ô trũng có thể nuôi thả cá, tôm nước ngọt.
- Nhân dân có kinh nghiệm và truyền thống đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.
- Các phương tiện tàu thuyền, ngư cụ được trang bị ngày càng tốt hơn.
- Các dịch vụ thủy sản và chế biến thủy sản được mở rộng.
- Nhu cầu về các mặt hàng thủy sản ở trong nước và thế giới tăng nhiều trong những năm gần đây.
- Sự đổi mới chính sách của Nhà nước về phát triển ngành thủy sản.

* Khó khăn:

- Hằng năm có tới 9-10 cơn bão xuất hiện ở Biển Đông và khoảng 30-35 đợt gió mùa đông bắc, gây thiệt hại về người và tài sản, hạn chế số ngày ra khơi.
- Tàu thuyền, các phương tiện đánh bắt nói chung còn chậm được đổi mới.
- Hệ thống các cảng cá còn chưa đáp ứng yêu cầu.
- Việc chế biến thủy sản, nâng cao chất lượng thương phẩm cũng còn nhiều hạn chế.

- Ở một số vùng ven biển, môi trường bị suy thoái và nguồn lợi thủy sản cũng bị đe dọa suy giảm.

b. Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản.

* Phát triển mạnh trong những năm gần đây:

- Sản lượng năm 2005 hơn 3,4 triệu tấn, lớn hơn sản lượng thịt cộng lại từ chăn nuôi gia súc, gia cầm.

- Sản lượng thủy sản tính bình quân trên đầu người hiện nay khoảng 42kg/ năm.

- Nuôi trồng thủy sản chiếm tỉ trọng ngày càng cao trong cơ cấu sản xuất và giá trị sản lượng thủy sản.

* Khai thác thủy sản:

- Sản lượng khai thác hải sản năm 2005 đạt 1791 nghìn tấn (gấp 2,7 lần năm 1990), trong đó riêng cá biển là 1367 nghìn tấn. Sản lượng khai thác nội địa đạt khoảng 200 nghìn tấn.

- Tất cả các tỉnh giáp biển đều đẩy mạnh đánh bắt hải sản, nhưng nghề cá có vai trò lớn hơn ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

- Các tỉnh dẫn đầu về sản lượng đánh bắt là Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Định, Bình Thuận và Cà Mau (riêng 4 tỉnh chiếm 38% sản lượng thủy sản khai thác cả nước).

* Nuôi trồng thủy sản:

- Nuôi tôm:

+ Nghề nuôi tôm nước lợ (tôm sú, tôm he, tôm rảo, ...) và tôm càng xanh phát triển mạnh.

+ Kỹ thuật nuôi tôm đi từ quảng canh sang quảng canh cải tiến, bán thâm canh và thâm canh công nghiệp.

+ Vùng nuôi tôm lớn nhất: Đồng bằng sông Cửu Long, nổi bật các tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Bến Tre, Trà Vinh và Kiên Giang. Nghề nuôi tôm cũng đang phát triển mạnh ở hầu hết các tỉnh duyên hải.

+ Tính đến năm 2005, sản lượng tôm nuôi đã lên tới 327194 tấn, riêng Đồng bằng sông Cửu Long là 265.761 tấn (chiếm 81,2%).

- Nuôi cá nước ngọt:

+ Cũng phát triển, đặc biệt ở Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng (nổi bật là An Giang)

+ Tính đến năm 2005, sản lượng cá nuôi đã lên tới 179 triệu tấn, riêng.

2. Ngành lâm nghiệp

a. Ngành lâm nghiệp ở nước ta có vai trò về mặt kinh tế và sinh thái.

Nước ta 3/4 diện tích là đồi núi, lại có vùng rừng ngập mặn ven biển. Do vậy ngành lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ.

b. Tài nguyên rừng của nước ta vốn giàu có, nhưng đã bị suy thoái nhiều.

- Tổng diện tích của rừng năm 1943 là 14,3 triệu ha, độ che phủ 4,0%. Đến năm 1983, diện tích rừng còn 7,2 triệu ha, độ che phủ 22,0%. Đến 2006, nhờ công tác trồng rừng và bảo vệ rừng, diện tích rừng đạt 12,9 triệu ha, độ che phủ 39,0%. Mặc dù tổng diện tích rừng đang dần tăng lên, nhưng tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái, vì chất lượng rừng không ngừng giảm sút.

* Rừng được chia thành 3 loại:

- Rừng phòng hộ (gần 7 triệu ha), có ý nghĩa rất quan trọng đối với môi sinh, bao gồm: các khu rừng đầu nguồn, các cánh rừng chắn cát bay, các dải rừng chắn sóng.

- Rừng đặc dụng: các vườn quốc gia (Cúc Phương, Ba Vì, Ba Bể, Bạch Mã, Nam Cát Tiên ..), các khu dự trữ thiên nhiên, các khu bảo tồn văn hóa – lịch sử – môi trường.

- Rừng sản xuất (khoảng 5,4 triệu ha): rừng tre nứa, rừng lấy gỗ, củi ...

c. Sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp.

- Các hoạt động lâm nghiệp bao gồm: lâm sinh (trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng) và khai thác, chế biến gỗ, lâm sản.

* Trồng rừng: Cả nước có khoảng 2 triệu ha rừng trồng tập trung, trong đó chủ yếu là rừng làm nguyên liệu giấy, rừng gỗ trụ mỏ, thông nhựa ..., rừng phòng hộ. Hàng năm, cả nước trồng trên dưới 200 nghìn ha rừng tập trung.

* Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản:

- Mỗi năm, khai thác khoảng 2,5 triệu m³ gỗ, khoảng 120 triệu cây tre luồng và gần 100 triệu cây nứa.

- Các sản phẩm gỗ quan trọng nhất là: gỗ tròn, gỗ xẻ, ván sàn, đồ gỗ, gỗ lạng và gỗ dán. Cả nước có hơn 400 nhà máy cưa xẻ và vài nghìn xưởng xẻ gỗ thủ công.

- Công nghiệp bột giấy và giấy được phát triển. Lớn nhất là nhà máy giấy Bãi Bằng (tỉnh Phú Thọ), Liên hiệp giấy Tân Mai (Đồng Nai).

- Rừng còn được khai thác để cung cấp nguồn gỗ củi và than củi.

▶▶ **CLICK NGAY** vào đường dẫn dưới đây để **TẢI VỀ** bài **Giải SGK Địa lí 12 Bài 24: Vấn đề phát triển ngành thủy sản và lâm nghiệp** chi tiết, đầy đủ nhất file word, file pdf hoàn toàn miễn phí.